

Khi đề cập đến công ty tài chính (cttc) trong các tổng công ty (TCT) có lẽ còn rất nhiều các ý kiến tranh luận xung quanh sự cần thiết của nó. Nếu nhìn vào sự tồn tại của các TCT hiện nay thì với gần 100 tổng công ty (17 tổng công ty 91 và 76 tổng công ty 90) mới chỉ 6 tổng công ty đã thành lập được CTTC (Cty tài chính bưu điện thuộc TCT bưu chính viễn thông, Cty tài chính tàu thủy thuộc TCT tàu thủy VN, Cty tài chính dệt may thuộc tổng công ty dệt may, Cty tài chính cao su thuộc TCT cao su VN, Cty tài chính dầu khí thuộc TCT dầu khí VN và mới nhất là Cty tài chính thuộc TCT than VN) hoạt động theo nghị định 79/2002/NĐ-CP về "tổ chức và hoạt động của Công ty tài chính" được chính phủ ban hành ngày 04.10.2002 và mẫu điều lệ Công ty tài chính trong TCT ban hành theo quyết định số 104/QĐ-NH5.

Vậy phải hiểu như thế nào về các Công ty tài chính trong các TCT hay nói cách khác là phải hiểu như thế nào về CTTC trong các tập đoàn kinh doanh mà trong tương lai sẽ hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con?

- Về bản chất: Trong hệ thống tổ chức của TCT, công ty tài chính ra đời là dấu hiệu để phân biệt TCT hoạt động theo mô hình tập đoàn kinh doanh với mô hình TCT kiểu cũ.

- Về tư cách pháp nhân: Công ty tài chính (CTTC) chịu sự quản lý của TCT về chiến lược phát triển, về tổ chức và nhân sự, chịu sự quản lý của Ngân hàng Nhà nước về nội dung và phạm vi hoạt động nghiệp vụ. CTTC có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước, được TCT cấp vốn điều lệ ban đầu. Hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính và tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh. Hoạt động theo luật doanh nghiệp và quy chế hoạt động của các tổ chức tín dụng.

- Về vai trò và nhiệm vụ: CTTC có nhiệm vụ huy động và cho vay đáp ứng nhu cầu của TCT và các đơn vị thành viên của về vốn. Quan hệ giữa Công ty tài chính với các đơn vị thành viên của TCT được thực hiện theo nguyên tắc có vay có trả. Trường hợp thực hiện việc cho vay đối với các tổ

Cơ chế hoạt động của công ty tài chính trong mô hình công ty mẹ - công ty con

TRẦN NAM HƯƠNG

chức đơn vị kinh doanh khác ngoài TCT, CTTC phải được sự đồng ý của Hội đồng quản trị.

Đối với các TCT 90 và 91, nhu cầu huy động vốn phục vụ cho chiến lược phát triển là rất lớn. Hầu hết các TCT đều đang rất cần vốn để thực hiện các chiến lược phát triển dài hạn. Vì vậy khi các TCT này trở thành các tập đoàn kinh doanh hoạt động theo mô hình CT mẹ - CT con thì CTTC ra đời với các hoạt động theo điều lệ của Ngân hàng nhà nước có thể trở thành công cụ để TCT tìm kiếm nguồn vốn bổ sung cho hoạt động cho TCT với các nghiệp vụ:

- Huy động vốn: Nhận tiền gửi có kỳ hạn của TCT, các doanh nghiệp thành viên của TCT, các doanh nghiệp cùng ngành kinh tế kỹ thuật mà TCT kinh doanh và công nhân viên trong TCT. CTTC cũng có thể thực hiện các nghiệp vụ như: phát hành tín phiếu, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu công trình trong và ngoài nước theo qui định của pháp luật, vay của các tổ chức tài chính và tín dụng trong và ngoài nước. Nhưng cũng theo điều lệ mẫu này thì tổng vốn huy động không được quá 20 lần vốn tự có của CTTC., (Vốn tự có của CTTC gồm: vốn điều lệ, quỹ dự trữ rủi ro, lợi nhuận chưa chia, giá trị tăng lên do định giá lại tài sản cố định, các loại vốn và quỹ khác).

Như vậy thông qua CTTC, TCT có thể huy động được một lượng vốn không nhỏ để sử dụng cho các chiến lược phát triển mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu.

- Sử dụng vốn vay: CTTC có thể cho vay ngắn hạn, cho vay trung hạn, dài hạn trên cơ sở cân đối nguồn vốn trung và dài hạn (không được cho vay trung và dài hạn bằng vốn vay ngắn hạn. Nhưng của điều lệ cũng qui định:

dự nợ cho vay ngắn hạn của một khách hàng không quá 10% vốn tự có của CTTC, riêng đối với khách hàng là TCT hoặc các doanh nghiệp thành viên thì dự nợ cho vay không quá 15% vốn tự có của CTTC. Trong trường hợp cho vay trung và dài hạn theo dự án của TCT thì phải dựa trên cơ sở cân đối nguồn vốn thích hợp và căn cứ vào các dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và mức cho vay đối với một dự án không được vượt quá 20% vốn tự có của CTTC (nếu có bảo lãnh của Hội đồng quản trị thì tỷ lệ này có thể lên đến 30%, nếu vượt qua tỷ lệ này nữa thì phải được sự chấp thuận bằng văn bản của thống đốc ngân hàng nhà nước) Nhưng lãi suất cho vay và huy động của CTTC do tổng giám đốc TCT quyết định theo uỷ quyền của hội đồng quản trị dựa trên khung lãi suất do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước qui định. CTTC cũng có thể sử dụng vốn tự có để hùn vốn, liên doanh hoặc mua cổ phần của các doanh nghiệp thành viên và thực hiện các nghiệp vụ khác như: tiếp nhận vốn ủy thác trong và ngoài nước bao gồm cả nguồn vốn TCT giao để đầu tư vào những công trình dự án của TCT và các doanh nghiệp thành viên. CTTC có thể thực hiện chức năng làm đại lý phát hành trái phiếu cho TCT và các doanh nghiệp thành viên, tư vấn về tiền tệ và quản lý tài sản khác theo yêu cầu của các doanh nghiệp thành viên trong TCT.

Như vậy, khi thực hiện các nghiệp vụ sử dụng vốn tự có của mình CTTC đã đại diện TCT tham gia vào việc điều hoà vốn trong TCT. Đây cũng chính là công cụ chủ yếu để TCT (bây giờ như công ty mẹ) có thể chi phối được và điều chỉnh được hoạt động của các công ty thành viên, tạo

mối liên kết chặt chẽ về tài chính tạo ra sức mạnh cho toàn bộ TCT. Theo mô hình công ty mẹ - công ty con, công ty mẹ thực hiện việc đầu tư vào các doanh nghiệp thành viên thông qua công ty tài chính.

Việc hình thành mối quan hệ tài chính này giữa TCT với các công ty thành viên sẽ thật sự làm thay đổi mối quan hệ giữa TCT và các doanh nghiệp thành viên: từ kiểu quan hệ hành chính sang quan hệ theo kiểu công ty mẹ- con, lấy công cụ tài chính - đầu tư để đảm bảo hoạt động của các doanh nghiệp thành viên thực hiện đúng chiến lược phát triển của TCT. CTTC ra đời và thực hiện chức năng: thay mặt cho TCT đầu tư vốn vào các công ty thành viên và huy động vốn cho TCT thực hiện chiến lược dài hạn. Cùng với sự lớn mạnh của TCT công ty tài chính trở thành trung tâm điều phối vốn hoạt động cho các công ty thành viên thông qua việc nắm giữ phần lớn vốn hoạt động (trong đó có thể bao gồm cả vốn cổ phần).

Muốn làm được điều nói trên TCT hay công ty mẹ phải đảm bảo thực hiện được những yêu cầu cơ bản sau:

Về báo cáo tài chính: Các công ty con hạch toán độc lập và tự lập các báo cáo tài chính định kỳ để gửi về công ty mẹ. Trên cơ sở đó, định kỳ công ty mẹ tiến hành hợp nhất các báo cáo tài chính để có thể lập thành báo cáo chung cho toàn bộ công ty.

Về đầu tư và quản lý vốn: Thông qua công ty tài chính, vốn của công ty mẹ (vốn chủ sở hữu và vốn huy động) được đầu tư vào các công ty con theo chiến lược của công ty mẹ đồng thời cũng căn cứ vào qui mô hoạt động của từng công ty con thông qua CTTC. Các công ty con có nhiệm vụ bảo toàn và phát triển vốn cũng như chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn từ CTTC lẫn vốn huy động được từ bên ngoài.

Về quản lý doanh thu, chi phí và lợi nhuận: Cả công ty mẹ và công ty con đều phải tuân thủ các qui định của pháp luật về quản lý tài chính. Công ty mẹ có thể quản lý doanh thu, chi phí, lợi nhuận và phân phối lợi nhuận trên lượng vốn góp của mình tại từng công ty con thông qua hoạt động của CTTC ■

Phòng chống rửa tiền ở Việt Nam

PGS.TS. TRẦN HUY HOÀNG & Thạc sĩ TRẦN THỊ PHƯƠNG LAN

Theo ước tính của các chuyên gia Liên Hiệp Quốc và thống kê của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), hàng năm số tiền được bọn tội phạm tẩy rửa khoảng 400 - 500 tỉ USD - bằng 2-5% GDP của thế giới, trong đó khoảng 60-70% là tiền mặt. Rửa tiền đang gây ảnh hưởng tiêu cực đến nền tài chính của nhiều nước.

Có rất nhiều khái niệm về rửa tiền với những phạm vi và mức độ khác nhau, nhưng theo cách hiểu phổ biến nhất thì "rửa tiền là hành động chuyển lợi nhuận thu được từ những hoạt động phạm pháp sang lợi nhuận hợp pháp; trong điều kiện chống khủng bố hiện nay thì việc chuyển những khoản tiền hợp pháp để phục vụ cho mục đích khủng bố cũng được coi là một dạng rửa tiền".

Ngắn gọn hơn, tẩy rửa tiền là hành vi của bọn phạm tội tẩy rửa những đồng tiền bất hợp pháp - tiền bẩn, thành những đồng tiền hợp pháp - tiền sạch.

Như vậy, có thể nói, rửa tiền là hành vi của cá nhân, tổ chức bằng mọi cách hợp pháp hóa tiền, tài sản có nguồn gốc từ những hoạt động tội phạm mà có qua những hoạt động cơ bản như sau:

- Tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến tiền, tài sản do phạm tội mà có.

- Thu nhận, chiếm giữ, chuyển dịch, chuyển đổi, chuyển nhượng, vận chuyển, sử dụng, vận chuyển qua biên giới tiền, tài sản do phạm tội mà có;

- Đầu tư vào các dự án, công trình, góp vốn vào một doanh nghiệp hoặc tìm cách khác che giấu, hoặc cản trở việc xác minh nguồn gốc, bản chất hoặc vị trí, quá trình di chuyển hoặc

quyền sở hữu đối với tiền, tài sản do phạm tội mà có.

Quy trình cơ bản của hoạt động rửa tiền

Tiền bẩn thường có nguồn gốc từ buôn lậu (vũ khí và hàng hoá), khủng bố, tài trợ khủng bố, buôn bán ma tuý, tham nhũng và hối lộ, mại dâm, buôn người, trộm cắp, tham ô, lừa đảo, tống tiền, trốn thuế, tội phạm tài chính...

Quy trình cơ bản của hoạt động rửa tiền có ba đoạn:

- Giai đoạn thứ nhất: Phân phối nguồn tiền từ các hoạt động phi pháp vào các định chế tài chính mà không bị phát hiện bởi các cơ quan luật pháp. Các tội phạm rửa tiền thực hiện đầu tư phân tán bằng cách chia các khoản "tiền bẩn" thành nhiều khoản tiền nhỏ dưới mức quy định.

- Giai đoạn thứ hai: Tiền được chuyển từ tổ chức tài chính này sang tổ chức tài chính khác để che giấu nguồn gốc và chủ sở hữu của tiền. Thực chất đây là quy trình tạo ra một chuỗi các giao dịch nhằm mục đích che giấu các nguồn tiền từ các hoạt động phi pháp và làm cho chúng ngày càng xa nguồn gốc ban đầu.

- Giai đoạn thứ ba: Tiền được đầu tư vào những hoạt động kinh doanh hợp pháp.

Tiền sẽ được phân phối trở lại vào nền kinh tế với nguồn gốc không thể tìm ra được dấu vết của chúng. Giai đoạn này được tiến hành bằng các hành vi tiêu dùng, đầu tư vào các doanh nghiệp và đầu tư tài chính. Thủ đoạn của chúng lúc đầu thường chuyển đổi sang chi phí trên quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng để tạo cho chúng vỏ bọc uy tín, làm ăn có lãi, tài trợ từ thiện, trả lương